Chi tiết mã HS 0305.69.90

Mã HS	0305.69.90
Mô tả hàng hóa	Cá, làm khô, muối hoặc ngâm nước muối; cá hun khói, đã hoặc chưa làm chín trước hoặc trong quá trình hun khói / - Cá, muối nhưng không làm khô hoặc không hun khói và cá ngâm nước muối, trừ phụ phẩm ăn được sau giết mổ: / - - Loại khác: / - - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	10/11/2026 21:26:45
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/03056990/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K538
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N538
Thuế GTGT (VAT)	*/5/8/10	* / 5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q538
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-05-31	BT2026!CJ538
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-PH)	0% (trừ PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E534
ATIGA	2022	2022	0	AT!E535
ATIGA	2023	2023	0	AT!F535
ATIGA	2024	2024	0	AT!G535
ATIGA	2025	2025	0	AT!H535
ATIGA	2026	2026	0	AT!I535
ATIGA	2027	2027	0	AT!J535
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	2	AJ!E537
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F537
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G537

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H537
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I537
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J537
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E537
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F537
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G537
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H537
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I537
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J537
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F535
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H534
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F537
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G537
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H537
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I537
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J537
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K537
VKFTA	2022	2022	0	VK!E535
VKFTA	2023	2023	0	VK!F535
VKFTA	2024	2024	0	VK!G535
VKFTA	2025	2025	0	VK!H535
VKFTA	2026	2026	0	VK!I535
VKFTA	2027	2027	0	VK!J535
VCFTA	2022	2022	4	VC!D536
VCFTA	2023	2023	2	VC!E536
VCFTA	2024	2024	0	VC!F536

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G536
VCFTA	2026	2026	0	VC!H536
VCFTA	2027	2027	0	VC!I536
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D539
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E539
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F539
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G539
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H539
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I539
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D53
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E53
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D536
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E536
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F536
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G536
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H536
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I536
EVFTA	2022	2022	5	EV-NK!D536
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E536
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F536
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G536
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H536
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I536
UKVFTA	2022	2022	5	UKV!D538
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E538
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F538

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G538
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H538
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I538
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D536
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E536
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F536
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G536
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H536
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I536
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J536
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D535
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E535
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F535
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G535
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H535
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I535
RCEP B	2022	2022	0	B!D535
RCEP B	2023	2023	0	B!E535
RCEP B	2024	2024	0	B!F535
RCEP B	2025	2025	0	B!G535
RCEP B	2026	2026	0	B!H535
RCEP B	2027	2027	0	B!I535
RCEP C	2022	2022	0	C!D535
RCEP C	2023	2023	0	C!E535
RCEP C	2024	2024	0	C!F535
RCEP C	2025	2025	0	C!G535

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2026	2026	0	C!H535
RCEP C	2027	2027	0	C!I535
RCEP D	2022	2022	0	D!D535
RCEP D	2023	2023	0	D!E535
RCEP D	2024	2024	0	D!F535
RCEP D	2025	2025	0	D!G535
RCEP D	2026	2026	0	D!H535
RCEP D	2027	2027	0	D!I535
RCEP E	2022	2022	0	E!D535
RCEP E	2023	2023	0	E!E535
RCEP E	2024	2024	0	E!F535
RCEP E	2025	2025	0	E!G535
RCEP E	2026	2026	0	E!H535
RCEP E	2027	2027	0	E!I535
RCEP F	2022	2022	0	F!D535
RCEP F	2023	2023	0	F!E535
RCEP F	2024	2024	0	F!F535
RCEP F	2025	2025	0	F!G535
RCEP F	2026	2026	0	F!H535
RCEP F	2027	2027	0	F!I535
VIFTA	2024	2024	*	VI!F515
VIFTA	2025	2025	*	VI!G515
VIFTA	2026	2026	*	VI!H515
VIFTA	2027	2027	*	VI!I515

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 34/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 0305.69 có 2 dòng thuế; dòng 0305.69.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	0305.69.10 Cá biển	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “*/5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 0305.69.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 0305.69.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N538), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng hóa được nhập khẩu dưới hình thức mua bán, trao đổi của cư dân biên giới (42/2019/TT-BCT & 34/2025/TT-BCT)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.